

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 608/QĐ-CDKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 620/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 41/2005/QĐ-UB ngày 07 tháng 03 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh về việc chuyển Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh sang trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ vào Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội ban hành Quy định Điều lệ Trường Cao đẳng;

Căn cứ vào Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội ban hành Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ vào Thông tư số 06/2019/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội bổ sung ngành, nghề đào tạo vào Danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này, chương trình đào tạo:

Tên ngành: **Tài chính – Ngân hàng**

Mã ngành: **6340202**

Trình độ đào tạo: **Cao đẳng**

Khối lượng kiến thức: **94 tín chỉ**

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ năm học 2019 – 2020 và thay thế Quyết định số 115/QĐ-CDKT ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng

Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng.

Điều 3. Trường các đơn vị trực thuộc và sinh viên Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận

- Như điều 3;
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

Lâm Văn Quân

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2019

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo quyết định số 608/QĐ-CDKT ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh)

Tên ngành, nghề: TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
Mã ngành, nghề: 6340202
Trình độ đào tạo: Cao đẳng
Hình thức đào tạo: Chính quy, tập trung
Phương thức đào tạo: Hệ thống tín chỉ
Văn bằng: Cử nhân
Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
Thời gian đào tạo: 2,5 – 3 năm

A. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA

I. Mục tiêu đào tạo

1. Mục tiêu chung

Chương trình cử nhân kinh tế ngành tài chính ngân hàng nhằm trang bị cho người học kiến thức về cơ sở lý luận, kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo và được công nhận bởi xã hội, nhằm đào tạo nguồn nhân lực làm việc trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực cho phát triển kinh tế xã hội ngày càng nâng cao.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Kiến thức

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chính trị, kinh tế, xã hội làm nền tảng để có thể nghiên cứu các môn nghiệp vụ về ngành tài chính – ngân hàng, có khả năng nắm bắt và phân tích thông tin.

Có kiến thức chuyên sâu về ngành tài chính – ngân hàng để tiếp nhận công việc, giải quyết những vấn đề, các tình huống phát sinh.

Có kiến thức về ngoại ngữ và tin học để sử dụng các chương trình ứng dụng

2.2. Kỹ năng

Trang bị các kỹ năng thực hành nghề nghiệp cần thiết bao gồm thu thập thông tin, tư duy phê phán, giải quyết vấn đề cũng như các kỹ năng tính toán, lập báo cáo, phân tích, lập kế hoạch và quản lý hiệu quả trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng. Trang bị các kỹ năng cơ bản cần thiết bao gồm thu thập thông tin, thẩm định, phân tích, giải quyết vấn đề, tư vấn các sản phẩm đến khách hàng và chăm sóc khách hàng

Trang bị các kỹ năng mềm cần thiết cho phát triển bản thân và nghề nghiệp.

2.3. Thái độ

Có đạo đức nghề nghiệp vững vàng, phẩm chất tốt để sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của xã hội trong môi trường hội nhập kinh tế quốc tế.

Có ý thức và năng lực học tập suốt đời để nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn thích ứng với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp có khả năng đảm nhận các công việc chuyên môn như:

- Vị trí “dịch vụ khách hàng”: Tư vấn khách hàng sử dụng các sản phẩm liên quan đến tiền gửi, quản lý dòng tiền
- Kế toán ngân hàng: Hạch toán các phát sinh tiền tệ
- Quan hệ khách hàng: Đầu mối tư vấn khách hàng sử dụng các sản phẩm liên quan đến vốn vay và các dịch vụ tài chính
- Thanh toán quốc tế, mua bán ngoại tệ: Công việc liên quan đến các sản phẩm mua bán ngoại tệ và chuyển tiền thanh toán nước ngoài
- Ngoài ra, có thể đảm nhận công việc khác liên quan đến tài chính – ngân hàng

Cơ hội phát triển nghề nghiệp: Sau một thời gian làm việc tích lũy đủ kinh nghiệm và có đủ năng lực, điều kiện theo qui định, người học chuyên ngành tài chính – ngân hàng có thể đảm nhiệm vị trí quản lý, nhà lãnh đạo của các ngân hàng.

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm công việc tài chính – ngân hàng tại các đơn vị sau:

- Các tổ chức tín dụng như ngân hàng, phi ngân hàng
- Các doanh nghiệp có hoạt động tài chính, hoạt động giao dịch với ngân hàng

II. Chuẩn đầu ra

Đề mục		Mức độ nội dung
A	Về kiến thức	
1	Kiến thức chung	Giải thích được các kiến thức cơ bản về chính trị, kinh tế, xã hội và chính sách pháp luật của Nhà nước trong công tác tài chính – ngân hàng.
2	Kiến thức hỗ trợ	
2.1		Vận dụng được các kiến thức công nghệ thông tin cơ bản,; giao tiếp ngoại ngữ cơ bản.đáp ứng yêu cầu trong công tác tài chính – ngân hàng.
2.2		Giải thích và vận dụng các kiến thức cơ bản về kinh tế, tài chính, pháp luật kinh tế và luật thuế hiện hành trong công tác quản lý và thực hiện công tác tài chính – ngân hàng
3	Kiến thức chuyên môn	
3.1		Vận dụng các kiến thức cơ bản về kinh tế, tài chính, pháp luật kinh tế, luật thuế và một số luật khác hiện hành trong công tác thực hiện các nghiệp vụ tiền gửi/huy động; thẩm

Đề mục		Mức độ nội dung
		định khách hàng, phân tích hoạt động kinh doanh của khách hàng trong hoạt động cho vay và các sản phẩm/dịch vụ khác
3.2		Vận dụng tốt kiến thức chuyên sâu về tài chính để tư vấn khách hàng sử dụng sản phẩm phù hợp, đề xuất các khoản vay phù hợp dòng tiền của khách hàng
B	Về kỹ năng	
1	Kỹ năng chuyên môn	
1.1		Lập được các chứng từ, kiểm tra, phân loại, xử lý chứng từ liên quan đến lĩnh vực tài chính - ngân hàng.
1.2		Có khả năng phân tích tình hình tài chính và thẩm định hồ sơ tín dụng. Tư vấn đúng nhu cầu khách hàng, xử lý các vấn đề phát sinh
2	Kỹ năng hỗ trợ	Sử dụng thành thạo công nghệ tin học. Có khả năng giao tiếp tốt về ngoại ngữ phục vụ trong công việc
3	Kỹ năng mềm	Có kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng biết lắng nghe, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, đàm phán trong công việc, kỹ năng lập kế hoạch và quản lý thời gian có thể chủ động giải quyết công việc phát sinh tại doanh nghiệp, đơn vị
C	Về thái độ	
1	Đối với cá nhân – xã hội	
1.1		Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối chính sách của Đảng và pháp luật nhà nước, nội qui làm việc tại doanh nghiệp, đơn vị.
1.2		Có ý thức trách nhiệm trong công việc với cộng đồng xã hội; Có tinh thần cầu tiến, ham học hỏi, có ý thức tự nghiên cứu, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn để nâng cao trình độ
2	Đối với nghề nghiệp	
2.1		Làm việc theo chuẩn đạo đức nghề nghiệp
2.2		Làm việc có phương pháp khoa học có tính tổ chức kỷ luật và trách nhiệm với công việc; biết phân tích, giải quyết vấn đề, đúc kết kinh nghiệm, cải tiến công việc được giao; Có tinh thần cầu tiến, ham học hỏi, biết đoàn kết và phối hợp, hợp tác, tự tin, sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm với đồng nghiệp trong công việc

B. KHỐI LƯỢNG VÀ NỘI DUNG KIẾN THỨC CHƯƠNG TRÌNH

I. Khối lượng kiến thức

- Số lượng môn học: **40** môn
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: **94** Tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: **435** giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn: **1845** giờ
- Khối lượng lý thuyết: **698** giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: **1582** giờ

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm Tra
I	Các môn học chung	20 (11,9)	435	178	231	26
MH01	Giáo dục chính trị	4 (3,1)	75	45	24	6
MH02	Pháp luật	2 (2,0)	30	28	0	2
MH03	Giáo dục thể chất (1+2)	2 (0,2)	60	0	56	4
MH04	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3 (1,2)	75	30	42	3
MH05	Tin học	3 (1,2)	75	15	55	5
MH06	Ngoại ngữ (Chọn 1 trong 3 ngoại ngữ sau)					
MH06.1	Tiếng Anh (1+2)	6 (4,2)	120	60	54	6
MH06.2	Tiếng Trung (1+2)	6 (4,2)	120	60	54	6
MH06.3	Tiếng Hàn (1+2)	6 (4,2)	120	60	54	6
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	74(35,39)	1.845	520	1.218	107
II.1	Môn học cơ sở	22(12,10)	480	175	271	34
MH07	Kinh tế vi mô	2(1,1)	45	15	27	3
MH08	Lý thuyết tài chính tiền tệ	2(1,1)	45	15	27	3
MH09	Pháp luật kinh tế	2(1,1)	45	15	27	3
MH10	Nguyên lý kế toán	2(1,1)	45	15	27	3
MH11	Kinh tế vĩ mô	2(1,1)	45	15	27	3
MH12	Toán cao cấp	2(1,1)	45	15	27	3

MH13	Marketing căn bản	2(1,1)	45	15	27	3
MH14	Quản trị hành chính văn phòng	2(1,1)	45	15	27	3
MH15	Sử dụng bảng tính nâng cao	2(1,1)	45	15	27	3
MH16	Định hướng nghề nghiệp và kỹ năng học tập	1(1,0)	15	10	0	5
MH17	Ngoại Ngữ chuyên ngành (Chọn 1 trong 3 ngoại ngữ sau)					
MH17.1	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng	3 (2,1)	60	30	28	2
MH17.2	Tiếng Trung thương mại	3 (2,1)	60	30	28	2
MH17.3	Tiếng Hàn thương mại	3 (2,1)	60	30	28	2
II.2	Môn học hỗ trợ chuyên môn	13(7,6)	285	105	159	21
MH18	Thuế	2(1,1)	45	15	27	3
MH19	Kế toán tài chính	4(2,2)	90	30	52	8
MH20	Kế toán quản trị	3(2,1)	60	30	26	4
MH21	Thị trường tài chính	2(1,1)	45	15	27	3
MH22	Toán tài chính	2(1,1)	45	15	27	3
II.3	Môn học chuyên môn	29(15,14)	675	225	401	49
MH23	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3(2,1)	60	30	26	4
MH24	Nghiệp vụ ngân hàng trung ương	2(1,1)	45	15	27	3
MH25	Kế toán ngân hàng	4(3,1)	75	45	25	5
MH26	Tài chính doanh nghiệp	2(1,1)	45	15	27	3
MH27	Nghiệp vụ chứng khoán	2(1,1)	45	15	27	3
MH28	Nghiệp vụ tài chính quốc tế	2(1,1)	45	15	27	3
MH29	Quản trị tài chính	2(1,1)	45	15	27	3
MH30	Nghiệp vụ thanh toán quốc tế	2(1,1)	45	15	27	3
MH31	Thẩm định tín dụng	2(1,1)	45	15	27	3
MH32	Phân tích báo cáo tài chính	2(1,1)	45	15	27	3
MH33	Quản trị ngân hàng	2(1,1)	45	15	27	3
MH34	Định giá tài sản	2(1,1)	45	15	27	3
MH35	Kiến tập doanh nghiệp 1	1(0,1)	45	0	40	5
MH36	Kiến tập doanh nghiệp 2	1(0,1)	45	0	40	5
II.4	Môn học tự chọn	2(1,1)	45	15	27	3
	Chọn 1 trong 4 môn sau:	2(1,1)	45	15	27	3
MH37	Đạo đức kinh doanh và văn hóa DN	2(1,1)	45	15	27	3

MH37	Quản trị học	2(1,1)	45	15	27	3
MH39	Nguyên lý thống kê	2(1,1)	45	15	27	3
MH40	Tư duy thiết kế	2(1,1)	45	15	27	3
	Môn học tốt nghiệp	8(0,8)	360	0	360	0
MH41	Thực tập cuối khóa	4(0,4)	180	0	180	0
MH42	Khóa luận	4(0,4)	180	0	180	0
	<i>Hoặc chọn 2 môn thay thế:</i>					
MH43	Ứng dụng Excel trong ngành TC-NH	2(1,1)	45	15	27	3
MH44	Bảo hiểm	2(1,1)	45	15	27	3
	Tổng cộng	94(46,48)	2.280	698	1.449	133

SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO (Phụ lục 1 đính kèm)
CÁC KỸ NĂNG MỀM HỌC NGOẠI KHÓA

STT	Tên học phần
1	Kỹ năng giao tiếp ứng xử trong trường và xã hội
2	Kỹ năng làm việc nhóm
3	Kỹ năng thuyết trình, trình bày
4	Kỹ năng phỏng vấn, tìm việc làm
5	Kỹ năng khởi nghiệp

II. Nội dung văn tắt chương trình (Phụ lục 2 đính kèm)

C. MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA – MÔN HỌC

TT	MÔN HỌC	A				B				C				
		A1	A2		A3		B1		B2	B3	C1		C2	
			A2.1	A2.2	A3.1	A3.2	B1.1	B1.2			C1.1	C1.2	C2.1	C2.2
	MÔN HỌC CHUNG													
1	Giáo dục chính trị	X									X			
2	Pháp luật	X									X			
3	Tin học		X						X					
4	Ngôn ngữ		X						X					
5	Giáo dục thể chất													
6	Giáo dục an ninh và quốc phòng													

TT	MÔN HỌC	A					B				C			
		A1	A2		A3		B1		B2	B3	C1		C2	
			A2.1	A2.2	A3.1	A3.2	B1.1	B1.2			C1.1	C1.2	C2.1	C2.1
	MÔN HỌC CƠ SỞ													
1	Kinh tế vi mô	X		X										
2	Lý thuyết tài chính tiền tệ	X		X										
3	Pháp luật kinh tế			X									X	
4	Nguyên lý kế toán				X								X	
5	Kinh tế vĩ mô	X		X										
6	Toán cao cấp	X		X										
7	Marketing căn bản	X		X										
8	Quản trị hành chính văn phòng	X								X				
9	Sử dụng bảng tính năng cao	X								X				
10	Ngoại ngữ chuyên ngành		X						X					
11	Định hướng nghề nghiệp và kỹ năng học tập									X		X		X
	MÔN HỌC HỖ TRỢ NGÀNH													
1	Thuế			X									X	
2	Kế toán tài chính			X	X		X							
3	Kế toán quản trị			X	X		X							
4	Thị trường tài chính			X	X			X						
5	Toán tài chính			X	X			X						
	MÔN HỌC CHUYÊN NGÀNH													
1	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại					X	X						X	
2	Nghiệp vụ ngân hàng trung ương					X	X						X	
3	Kế toán ngân hàng					X	X						X	
4	Tài chính doanh nghiệp					X	X							
5	Nghiệp vụ chứng khoán					X	X							
6	Nghiệp vụ tài chính quốc tế					X	X							
7	Quản trị tài chính					X	X							
8	Nghiệp vụ thanh toán quốc tế					X	X							
9	Thẩm định tín dụng					X	X							
10	Phân tích báo cáo tài chính					X	X	X						
11	Quản trị ngân hàng					X	X	X						
12	Định giá tài sản					X	X							
13	Kiến tập doanh nghiệp 1					X	X							

TT	MÔN HỌC	A				B				C				
		A1	A2		A3		B1		B2	B3	C1		C2	
			A2.1	A2.2	A3.1	A3.2	B1.1	B1.2			C1.1	C1.2	C2.1	C2.1
14	Kiến tập doanh nghiệp 2				X						X			
15	Thực tập cuối khóa				X	X						X	X	
16	Khóa luận hoặc các môn thay thế													
	Ứng dụng Excel trong ngành TC-NH					X	X						X	
	Bảo hiểm					X	X						X	
	MÔN TỰ CHỌN													
17	Môn học cơ sở (chọn 1 môn)													
	Đạo đức kinh doanh và văn hóa DN	X												
	Quản trị học	X												
	Nguyên lý thống kê	X												
	Tư duy thiết kế	X												
	KỸ NĂNG MỀM									X		X		X

D. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp, nếu hội đủ các điều kiện sau đây:

- Được công nhận là sinh viên hệ chính quy của trường theo đúng ngành cấp bằng tốt nghiệp
- Hoàn tất các môn học theo đúng chương trình giáo dục quy định và tích lũy đủ số tín chỉ quy định của ngành đào tạo, không có môn học nào đạt điểm dưới 5 và có ĐTBCTL không dưới 5;
- Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ theo quy định của trường
- Đạt chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập.

E. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Chương trình này được thiết kế dựa trên chương trình khung của ngành Kế toán, theo quy chế đào tạo cao đẳng hệ chính quy
- Chương trình được xây dựng căn cứ vào mục tiêu cụ thể, điều kiện thực tế của Trường, bao gồm các học phần thuộc khối kiến thức chung, kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên ngành được thực hiện trong 6 học kỳ (từ 2,5 đến 3 năm).
- Các học phần cần phải được sắp xếp lịch học theo trình tự đã quy định trong chương trình, nếu có sự thay đổi phải dựa trên điều kiện tiên quyết của các học phần.
- Chương trình được xây dựng trên các nguyên tắc nhất định để đảm bảo tính liên thông, khoa học, đáp ứng nhu cầu xã hội.
- Các giảng viên phải tuân thủ theo đúng yêu cầu của chương trình.

- Các môn phải được thực hiện giảng dạy đúng theo thứ tự đã ghi theo từng học kỳ, theo đúng yêu cầu môn tiên quyết, môn trước, môn sau, môn song hành. Không đơn vị nào được tự ý thay đổi nếu không thông qua Hội đồng khoa học.

- Việc thực hiện đào tạo theo chương trình này phải tuân thủ Quy chế về đào tạo theo học chế tín chỉ của Trường. Sau khi kết thúc khóa học, nếu hoàn thành đủ số lượng tín chỉ và được công nhận tốt nghiệp, người học được cấp bằng tốt nghiệp đại học bậc Cử nhân.

- Chương trình đào tạo sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của ngành và thực tiễn.



HIỆU TRƯỞNG

Lâm Văn Quắm

**TRƯỞNG PHÒNG
ĐÀO TẠO**

Hồ Nguyễn Cúc Phương

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

Phạm Vũ Diễm



PHỤ LỤC 1 : SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành:

TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

Trình độ: Cao đẳng

Mã ngành:

